TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH KHÁNH HÒA** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 4 năm 2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH KHÁNH HÒA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương
Các Hội thẩm nhân dân: bà Võ Thị Bời
bà Nguyễn Thị Lý

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N - Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - Khánh Hòa tham gia phiên tòa***: ông Nguyễn Giỏi Mạnh Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/01/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/4/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: bà Đặng Thị Lệ T - sinh năm 1981
HKTT: thôn T - xã Đ - thành phố N - Khánh Hoà; Có mặt.

2. *Bị đơn*: ông Nguyễn Khánh H - sinh năm 1980;
HKTT: thôn T - xã Đ - thành phố N - Khánh Hòa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/01/2024 và bản tự khai ngày 21/02/2024, nguyên đơn bà Đặng Thị Lệ T trình bày: năm 2002, bà và ông Nguyễn Khánh H tự nguyện yêu thương nhau về sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T - thành phố N - Khánh Hòa. Quá trình sống chung, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Đến nay, bà xác định không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu được ly hôn với ông H. Về con chung: vợ chồng bà có hai con chung Nguyễn Đặng Khánh N (sinh ngày 23/5/2002) và Nguyễn Đặng Khánh V (sinh ngày 31/5/2013). Cháu N đã trưởng thành, khỏe mạnh, bà không có yêu cầu gì. Sau khi ly hôn, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, bà yêu cầu ông Thành cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng. Tài sản chung: tự thỏa thuận, không

yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 22/02/2024, bị đơn ông Nguyễn Khánh H trình bày: ông và bà T kết hôn năm 2002. Trong quá trình sống chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Bà T nộp đơn xin ly hôn, ông đồng ý. Về con chung: vợ chồng ông có hai con chung Nguyễn Đặng Khánh N (sinh ngày 23/5/2002) và Nguyễn Đặng Khánh V (sinh ngày 31/5/2013). Cháu N đã trưởng thành, khỏe mạnh, ông không có yêu cầu gì. Sau khi ly hôn, ông là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông H; đồng ý để ông H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có. Ông H đồng ý ly hôn với bà T; về con chung: ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đặng Khánh V và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà Thùy và ông Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông H sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T - thành phố N - Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 06/3/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T cho rằng quá trình sống chung, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Ông H đồng ý ly hôn. Do đó, Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông H.

[2] Con chung: bà T, ông H có hai con chung là Nguyễn Đặng Khánh N (sinh ngày 23/5/2002) và Nguyễn Đặng Khánh V (sinh ngày 31/5/2013). Cháu N đã trường thành và khỏe mạnh, bà T và ông H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà T, ông H thống nhất giao cháu V cho ông H trực tiếp nuôi dương và ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà T, ông H về con chung.

[3] Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: không có.

[5] Về án phí: bà T nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà Đặng Thị Lệ T với ông Nguyễn Khánh H.

Về con chung: Bà T, ông H có hai con chung Nguyễn Đặng Khánh N (sinh ngày 23/5/2002) và Nguyễn Đặng Khánh V (sinh ngày 31/5/2013). Cháu N đã trưởng thành, khỏe mạnh, bà T và ông H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giao con chung Nguyễn Đặng Khánh V cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà T, ông H đều có quyền thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

2. Về án phí: bà Đặng Thị Lệ T nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001891 ngày 18/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N - Khánh Hòa. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định: *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự*.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Mai Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố N;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố N;
- UBND phường T - thành phố N - Khánh Hòa (giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 06/3/2002);
- Các đương sự;
- Lưu.